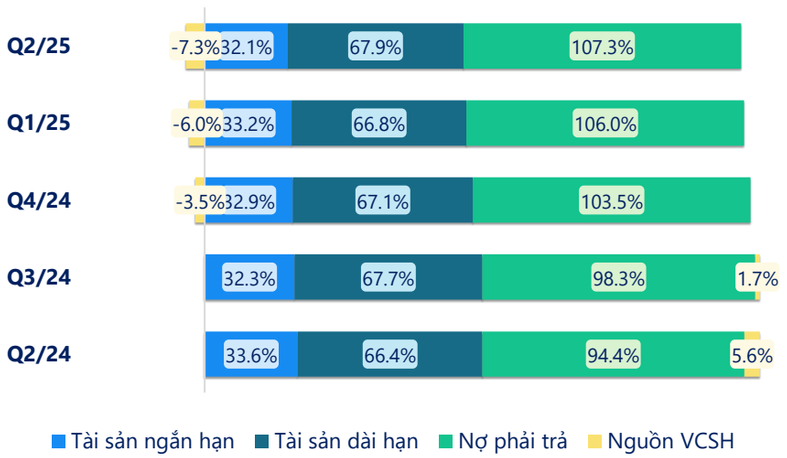
FireAnt

CTCP Kính Đáp Cầu (UPCOM: DSG)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	4,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,400
SL cổ phiếu LH	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	310
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	132
P/E	-9.9
EPS	-445

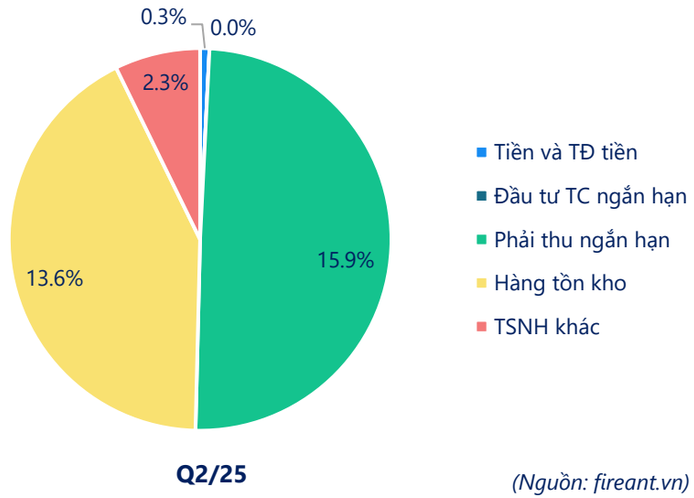
	YTD	1T	3T	6T
DSG	-4.3%	29.4%	-4.3%	-15.4%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



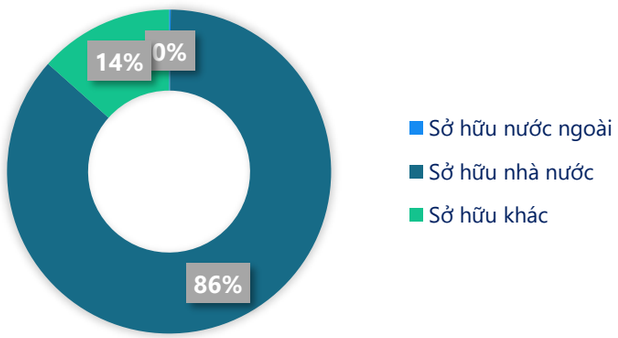
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



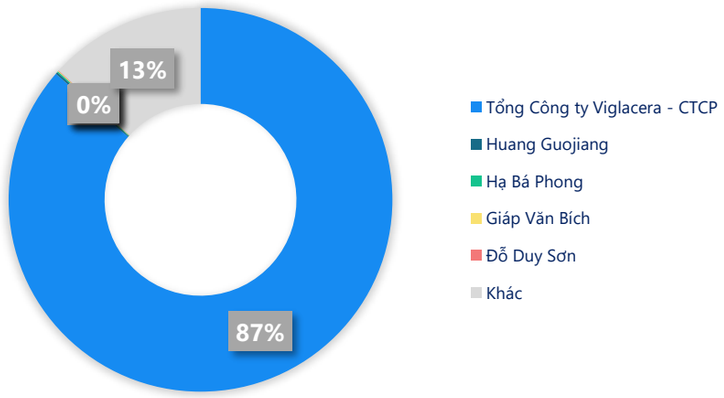
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



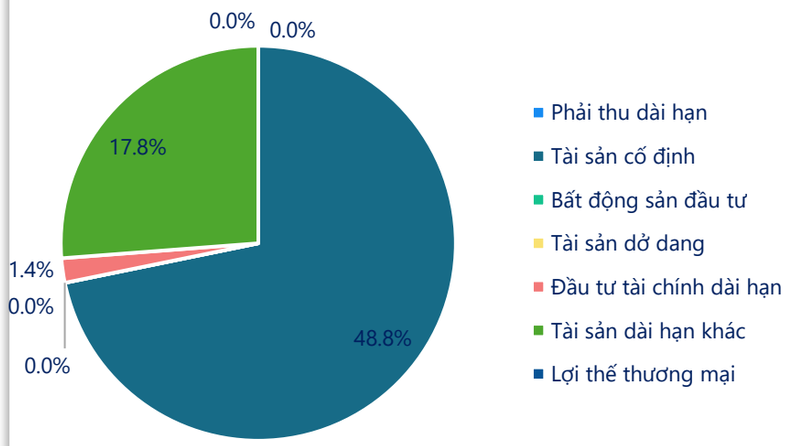
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

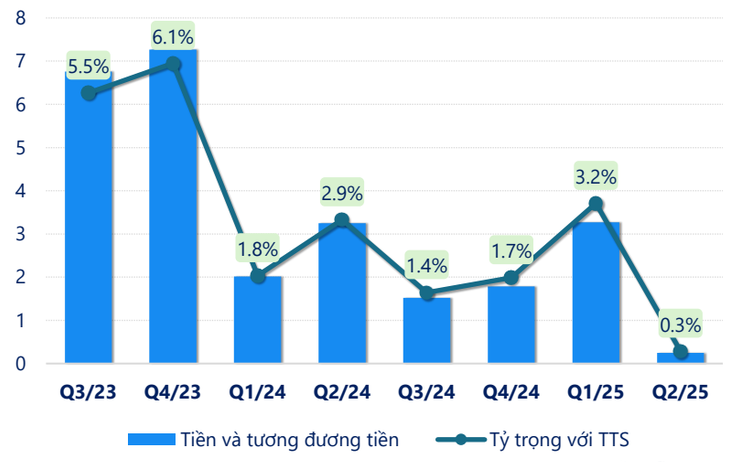


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

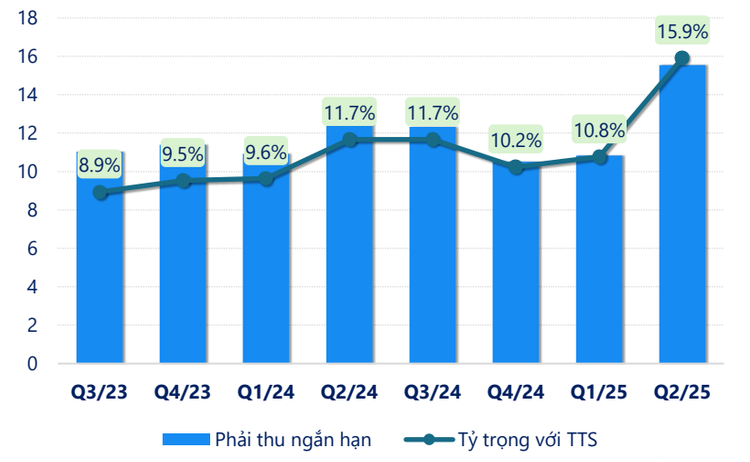
CTCP Kính Đáp Cầu (UPCOM: DSG)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



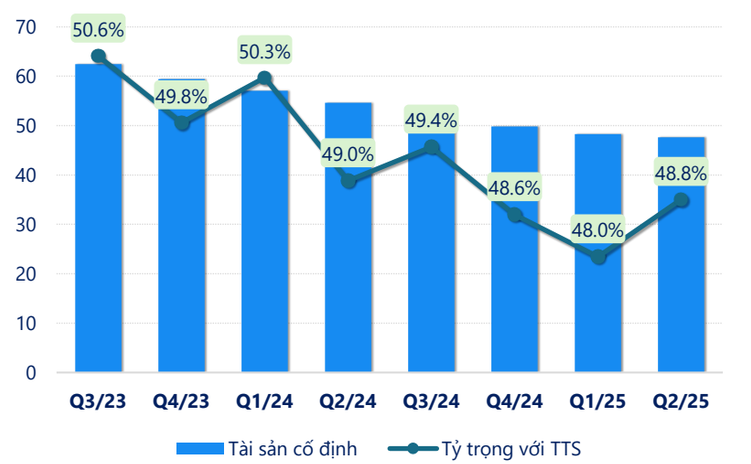
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



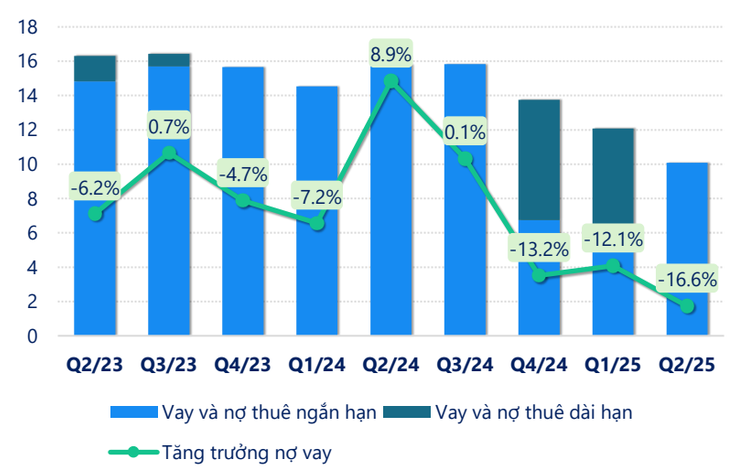
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



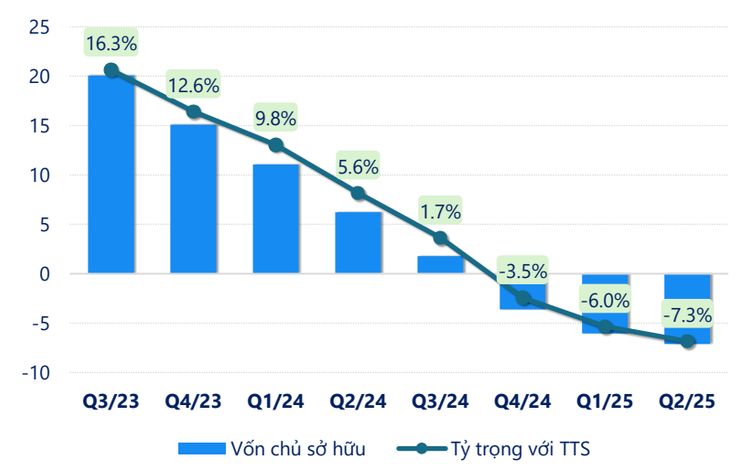
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

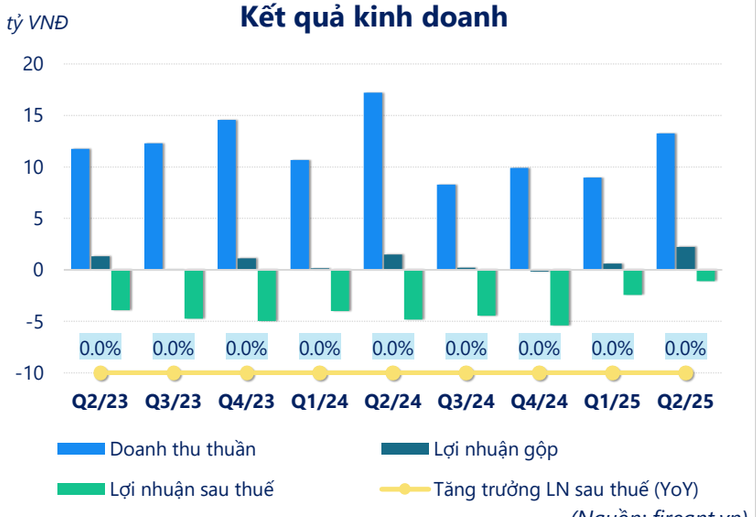


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

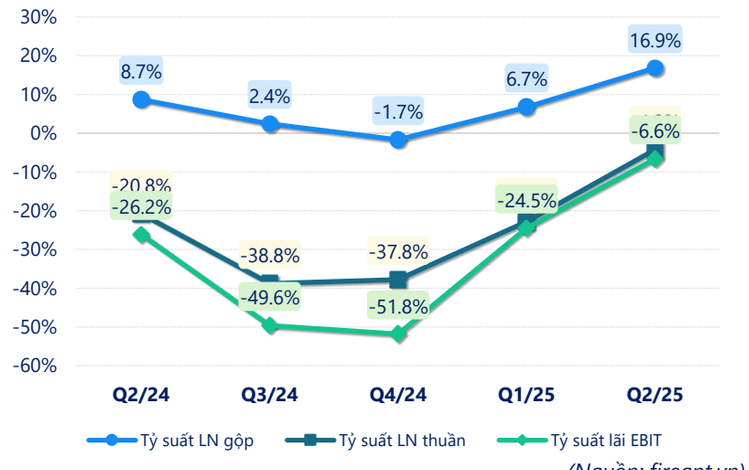
CTCP Kính Đáp Cầu (UPCOM: DSG)

Kết quả kinh doanh



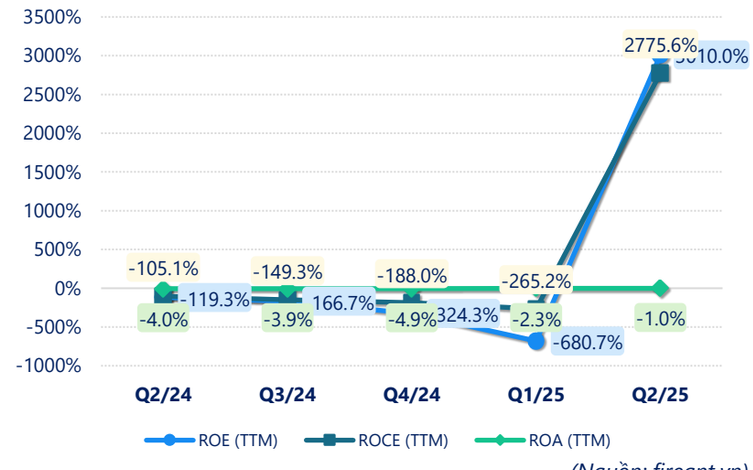
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



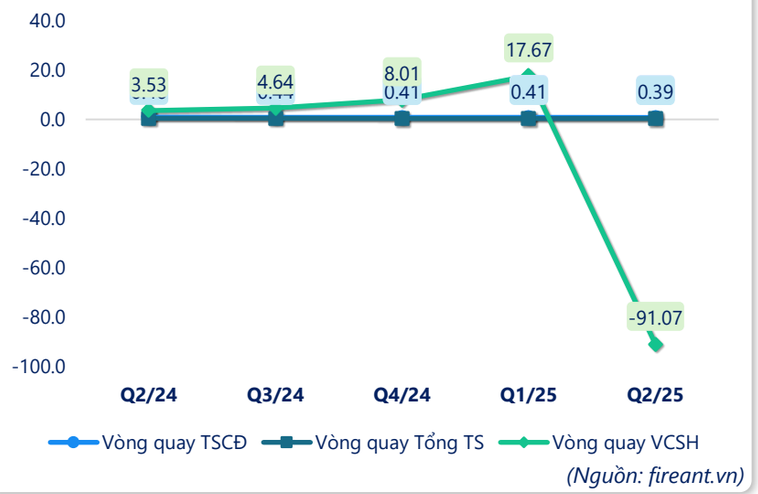
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



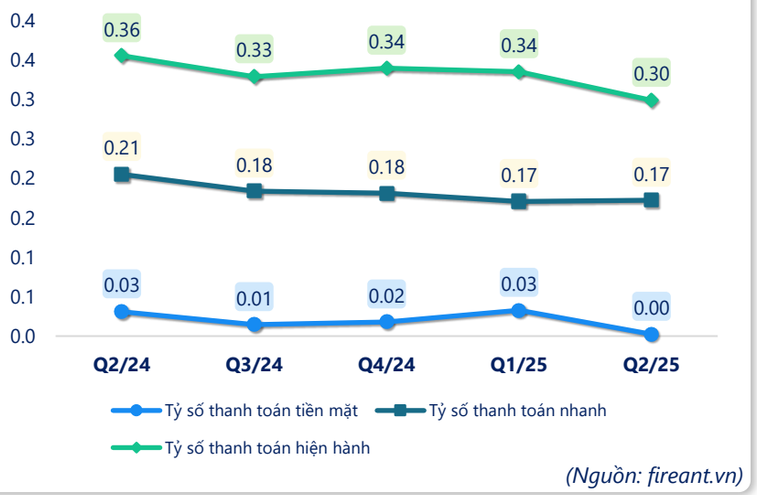
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



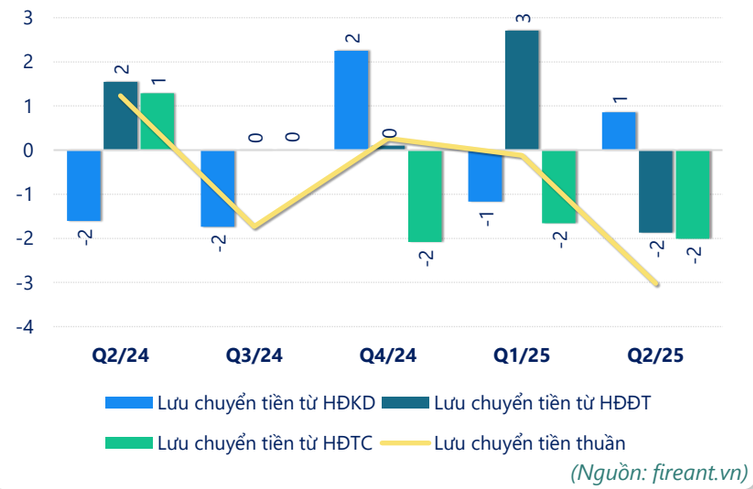
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Kính Đáp Cầu (UPCOM: DSG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**97.7**	**103**	**-5.0%**
Tài sản ngắn hạn	31.3	33.9	-7.5%
Tiền và tương đương tiền	0.25	3.38	-92.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	1.08	-100%
Phải thu ngắn hạn	15.5	10.7	45.8%
Hàng tồn kho	13.3	15.7	-15.6%
Tài sản ngắn hạn khác	2.27	3.01	-24.6%
Tài sản dài hạn	**66.4**	**68.9**	**-3.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	47.6	49.9	-4.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	1.33	1.33	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**17.4**	**17.8**	**-2.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	105	106	-1.5%
Nợ ngắn hạn	**105**	**99.4**	**5.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	10.1	6.75	49.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	65.7	64.2	2.4%
Nợ dài hạn	0	7.00	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	7.00	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-7.12**	**-3.60**	**-97.8%**
Vốn chủ sở hữu	**-7.12**	**-3.60**	**-97.8%**
Vốn điều lệ	300	300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	17.2	8.29	9.91	8.96	13.3
Giá vốn hàng bán	15.7	8.09	10.1	8.36	11.0
Lợi nhuận gộp	1.49	0.20	-0.17	0.60	2.23
Doanh thu HĐTC	0.07	0.00	0.04	0.02	0.00
Chi phí TC	1.06	0.33	0.30	0.24	0.61
Chi phí lãi vay	0.32	0.33	0.26	0.24	0.21
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.90	1.13	1.26	0.92	0.67
Chi phí QLDN	3.18	1.96	2.06	1.51	1.52
LN thuần từ HĐKD	-3.58	-3.22	-3.74	-2.04	-0.56
Lợi nhuận khác	-1.24	-1.23	-1.65	-0.39	-0.53
LN trước thuế	-4.82	-4.44	-5.39	-2.43	-1.09
Lợi nhuận sau thuế	-4.82	-4.44	-5.39	-2.43	-1.09
LNST của CĐ cty mẹ	-4.82	-4.44	-5.39	-2.43	-1.09

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.61	-1.74	2.25	-1.17	0.86
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.55	0.00	0.10	2.71	-1.87
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1.29	0.01	-2.08	-1.66	-2.01
Tiền đầu kỳ	2.02	3.25	1.52	3.38	3.27
Lưu chuyển tiền thuần	**1.23**	**-1.73**	**0.27**	**-0.12**	**-3.02**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	3.25	1.52	1.79	3.27	0.25

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic